

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3647/UBND-KGVX

Đồng Nai, ngày 04 tháng 4 năm 2025

V/v triển khai thực hiện Nghị
định số 67/2025/NĐ-CP của
Chính phủ

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;
- Các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

Triển khai thực hiện Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (sau đây gọi tắt là Nghị định số 67/2025/NĐ-CP), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2025; Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung nghiên cứu, triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nội dung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP. Trong đó, lưu ý một số nội dung được điều chỉnh, bổ sung tại Nghị định 67/2025/NĐ-CP (**phần chữ in đậm**):

1.1. Về phạm vi điều chỉnh

Nghị định số 67/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chính sách, chế độ, gồm: Chính sách, chế độ đối với người nghỉ việc (**nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc**); **chính sách đối với người được bầu cử, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý có phụ cấp chức vụ thấp hơn** hoặc thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tăng cường đi công tác tại cơ sở; chính sách trọng dụng người có phẩm chất, năng lực nổi trội; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp; trách nhiệm thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ từ trung ương đến cấp huyện, cán bộ, công chức cấp xã, lực lượng vũ trang

(gồm Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và cơ yếu) trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp, **tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức** trong hệ thống chính trị, bao gồm:

1. Cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện (sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức từ trung ương đến cấp huyện) và lực lượng vũ trang.

2. Các tổ chức hành chính của cơ quan, tổ chức từ trung ương đến cấp huyện trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc không trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng thực hiện **tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức**.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc không trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng thực hiện **tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng viên chức**, gồm:

a) Các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức từ trung ương đến cấp huyện và các tổ chức hành chính của cơ quan, tổ chức từ trung ương đến cấp huyện;

b) Các đơn vị thuộc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương và huyện ủy, thị ủy, quận ủy, thành ủy thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; thuộc tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập khác còn lại (không thuộc quy định tại khoản 3 Điều này) hoàn thành việc sắp xếp tổ chức trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền.

5. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

6. Các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập tổ chức bộ máy”.

1.2. Về đối tượng áp dụng

Nghị định số 67/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Nghị định này và lực lượng vũ trang **chịu sự tác động trực tiếp** của việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp (sau đây viết tắt là sắp xếp tổ chức bộ máy), bao gồm:

- a) Công chức, viên chức không giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý;
- b) Cán bộ, công chức cấp xã;

c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động một số loại công việc trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật trước thời điểm ngày 15 tháng 01 năm 2019 và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được áp dụng chính sách như công chức (sau đây viết tắt là người lao động);

d) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng và lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam;

đ) Sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng lương, công nhân công an và lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc Công an nhân dân;

e) Người làm việc trong tổ chức cơ yếu;

g) Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 1 Nghị định này, có nguyện vọng nghỉ việc để tạo điều kiện thuận lợi trong việc sắp xếp số lượng cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trước thời điểm ngày 15 tháng 01 năm 2019 và lực lượng vũ trang còn đủ 05 năm trở xuống đến tuổi nghỉ hưu trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Nghị định này **không chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng phải thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.**

3. Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện chịu tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập tổ chức bộ máy.

4. Cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm; cán bộ đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm cấp ủy cùng cấp, có thời gian công tác tính từ ngày bắt đầu tổ chức đại hội còn từ 2,5 năm (30 tháng) đến 05 năm (60 tháng) đến đủ tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP và cán bộ đang tham gia cấp ủy ở các đảng bộ phải kết thúc hoạt động, kiện toàn tổ chức bộ máy còn 05 năm (60 tháng) trở xuống đến tuổi nghỉ hưu, có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi để tạo điều kiện sắp xếp nhân sự cấp ủy trong kỳ đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và được cấp có thẩm quyền đồng ý”.

1.3. Về tiền lương để tính chế độ, chính sách

Nghị định số 67/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 5 như sau:

“6. Tiền lương tháng hiện hưởng là tiền lương tháng liền kề trước khi nghỉ việc, bao gồm: Mức tiền lương theo ngạch, bậc, cấp bậc hàm, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp hoặc mức lương theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng lao động; các khoản phụ cấp lương (gồm: Phụ cấp chức vụ lãnh đạo; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp ưu đãi theo nghề; phụ cấp trách nhiệm theo nghề; phụ cấp công vụ; phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội; phụ cấp đặc thù đối với lực lượng vũ trang) và **hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương**”.

1.4. Về chính sách đối với người nghỉ hưu trước tuổi

Nghị định số 67/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Được hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và số năm nghỉ sớm như sau:

a) Trường hợp có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì còn được hưởng các chế độ sau:

Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP;

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

Trường hợp đủ 15 năm công tác trở lên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và thuộc đối tượng được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi thì được trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 15 năm đầu công tác; từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

b) Trường hợp có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo

quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì còn được hưởng các chế độ sau:

Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

Được trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP;

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

Trường hợp đủ 15 năm công tác trở lên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và thuộc đối tượng được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi thì được trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 15 năm đầu công tác; từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

c) Trường hợp có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, trong đó có đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động ban hành hoặc có đủ 15 năm trở lên làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động ban hành bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01 tháng 01 năm 2021, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, thì còn được hưởng các chế độ sau:

Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP;

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

Trường hợp đủ 15 năm công tác trở lên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và thuộc đối tượng được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi thì được trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 15 năm đầu công tác; từ năm thứ 16 trở

đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng”.

1.5. Về chính sách đối với người nghỉ hưu trước tuổi do tình giãn biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Nghị định số 67/2025/NĐ-CP bổ sung Điều 7a vào Nghị định số 178/2024/NĐ-CP như sau:

“Điều 7a. Chính sách đối với người nghỉ hưu trước tuổi do tình giãn biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này nghỉ hưu trước tuổi, được hưởng các chế độ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này. Ngoài ra, được hưởng trợ cấp hưu trí một lần cho thời gian nghỉ sớm:

1. Đối với người nghỉ trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2025 thì được hưởng trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP;

2. Đối với người nghỉ từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2025 thì được hưởng bằng 0,5 mức trợ cấp tại khoản 1 Điều này.”.

1.6. Về chính sách nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ, không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm hoặc đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm

Nghị định số 67/2025/NĐ-CP bổ sung Điều 7b vào Nghị định số 178/2024/NĐ-CP như sau:

“Điều 7b. Chính sách nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm hoặc đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm

Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định này nghỉ hưu trước tuổi, được hưởng các chế độ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này. Ngoài ra, được hưởng trợ cấp hưu trí một lần cho thời gian nghỉ sớm bằng 01 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP.

1.7. Về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được bầu cử, bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có phụ cấp chức vụ thấp hơn do sắp xếp tổ chức bộ máy

Nghị định số 67/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP như sau:

“Điều 11. Chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được bầu cử, bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có phụ cấp chức vụ thấp hơn do sắp xếp tổ chức bộ máy

Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được bầu cử, bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có mức lương chức vụ hoặc phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn do sắp xếp tổ chức bộ máy, thì được bảo lưu mức lương chức vụ cũ hoặc phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ đến hết nhiệm kỳ bầu cử hoặc hết thời hạn bổ nhiệm. Trường hợp đã giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo nhiệm kỳ bầu cử hoặc thời hạn bổ nhiệm còn dưới 6 tháng thì được bảo lưu 06 tháng".

1.8. Về kinh phí giải quyết chế độ chính sách

Nghị định số 67/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP như sau:

"2. Đối với viên chức và người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí giải quyết chính sách, chế độ từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác.

Trường hợp các đơn vị sự nghiệp công lập không đủ nguồn kinh phí để giải quyết chính sách, chế độ thì được sử dụng các quỹ được trích theo quy định của đơn vị sự nghiệp công lập để giải quyết chính sách, chế độ.

Trường hợp các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên do Nhà nước đặt hàng thông qua giá dịch vụ nhưng giá dịch vụ chưa tính đủ các yếu tố cấu thành để giải quyết chính sách, chế độ thì nguồn kinh phí giải quyết chính sách, chế độ do ngân sách nhà nước cấp bổ sung".

Bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 16 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP như sau:

"5. Đối với người làm việc trong chỉ tiêu biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện chịu tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập tổ chức bộ máy: Kinh phí giải quyết chính sách, chế độ do ngân sách nhà nước cấp.

6. Đối với các tổ chức hành chính kết thúc việc thực hiện cơ chế tài chính đặc thù như đơn vị sự nghiệp công lập từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 thì nguồn kinh phí giải quyết chính sách, chế độ do ngân sách nhà nước cấp".

1.9. Về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

Nghị định số 67/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP như sau:

"Điều 17. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức

1. Triển khai thực hiện chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định này.

2. Căn cứ hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và các tiêu chí đánh giá cụ thể theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cùng cấp để ban hành tiêu chí đánh giá, thực hiện rà soát tổng thể chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý và xem xét đơn tự nguyện xin nghỉ việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; xác định đối tượng phải nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; lập danh sách và dự toán số tiền thực hiện chính sách đối với từng trường hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

3. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì kịp thời thực hiện chi trả chính sách, chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của pháp luật”.

1.10. Về tính chế độ đối với thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc

Nghị định số 67/2025/NĐ-CP bổ sung khoản 3 Điều 24 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP như sau:

"3. Quy định hưởng trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 20 năm đầu công tác và 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác tính từ năm thứ 21 trở đi tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị định này có hiệu lực cho đến trước ngày Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực thi hành.

Quy định hưởng trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 15 năm đầu công tác và 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác tính từ năm thứ 16 trở đi tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị định này áp dụng đối với nữ cán bộ, công chức cấp xã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025".

1.11. Về các điều khoản chuyển tiếp

Nghị định số 67/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 25 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP như sau:

“Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các trường hợp đang thực hiện giải quyết chính sách, chế độ do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP nhưng cấp có thẩm quyền chưa ban hành quyết định giải quyết chính sách, chế độ thì được áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Nghị định này.

2. Các trường hợp đang thực hiện giải quyết chính sách, chế độ do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, đã được cấp có thẩm quyền giải

quyết chính sách, chế độ theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP nhưng thời điểm nghỉ việc sau ngày 01 tháng 01 năm 2025 thì được áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Nghị định này.

3. Các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định này đã được cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách, chế độ theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, nếu chính sách, chế độ thấp hơn so với chính sách, chế độ quy định tại Nghị định này thì áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Nghị định này.

4. Các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, nếu chính sách, chế độ thấp hơn so với chính sách, chế độ quy định tại Nghị định này thì được cấp bổ sung theo chính sách, chế độ quy định tại Nghị định này.

5. Các trường hợp do sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế đã được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 theo quy định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng và Luật Cơ yếu, nhưng đến ngày 01 tháng 01 năm 2025 cấp có thẩm quyền chưa ban hành quyết định giải quyết chính sách, chế độ thì được áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Nghị định này.

6. Các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách hỗ trợ thêm từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP trước ngày 15 tháng 3 năm 2025 thì vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ thêm này".

2. Về trách nhiệm triển khai thực hiện

a) Giao Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh và các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ:

- Quán triệt, tuyên truyền đầy đủ các nội dung theo quy định tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP tới cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các đối tượng khác thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức làm cơ sở để xác định đối tượng phải nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; trong đó lưu ý:

+ Ban hành tiêu chí đánh giá, thực hiện rà soát tổng thể chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý và xem xét đơn tự nguyện xin nghỉ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

+ Xây dựng Kế hoạch tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

+ Lập danh sách và dự toán số tiền thực hiện chính sách đối với từng trường hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

+ Kịp thời thực hiện chi trả chính sách, chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

- Chịu trách nhiệm về việc đề xuất thực hiện chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các đối tượng khác thuộc thẩm quyền quản lý.

- Đối với đối tượng không chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng phải thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại Văn bản số 1307/UBND-KGVX ngày 12/02/2025 của UBND tỉnh¹, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi kèm văn bản, tài liệu thể hiện rõ nhân sự được đề xuất giải quyết chế độ thuộc diện tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, người đứng đầu các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ căn cứ quy trình xem xét, giải quyết chế độ, chính sách tại Văn bản số 1307/UBND-KGVX của UBND tỉnh và ý kiến tại Văn bản này hướng dẫn các tổ chức hội cấp tỉnh, cấp huyện rà soát, tổng hợp, đề xuất giải quyết chế độ, chính sách đối với người làm việc tại các tổ chức hội (nếu có) báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét.

b) Giao Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện rà soát, thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với các trường hợp thuộc cơ quan, đơn vị khối Nhà nước theo quy định tại Văn bản số 1307/UBND-KGVX của UBND tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu triển khai các nội dung thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của UBND tỉnh theo quy định; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện.

c) Giao Sở Tài chính

Ngoài việc thực hiện trách nhiệm được giao tại Văn bản số 1307/UBND-KGVX ngày 12/02/2025 của UBND tỉnh, Sở Tài chính chủ trì hướng dẫn các nội

¹ Văn bản số 1307/UBND-KGVX ngày 12/02/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ

dung có liên quan đến kinh phí thực hiện được quy định tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP phù hợp với nhiệm vụ được phân công, phân cấp quản lý.

d) Đề nghị Bảo hiểm xã hội khu vực V

Giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho đối tượng theo quy định của pháp luật và chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ tại Văn bản số 1307/UBND-KGVX của UBND tỉnh.

đ) Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì tổ chức, triển khai Nghị định 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ và nội dung tại Văn bản này đến các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, đoàn thể; tiếp tục thực hiện trách nhiệm được giao tại Văn bản số 1307/UBND-KGVX ngày 12/02/2025 của UBND tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để chỉ đạo, xử lý. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Đảng ủy UBND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
 - Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
 - Sở Nội vụ;
 - Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, HCTC, KGVX.
- <to>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức